TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bỉnh;

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Toà án.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: Số xx, ấp CS, xã TT, thị xã KT, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: Số xxyy, tổ x ấp y xã PVH, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1980.

Địa chỉ thường trú: Số xx, ấp CS, xã TT, thị xã KT, tỉnh Long An.

(Bà Th có mặt, ông Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Nguyễn Thanh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh Th với ông Nguyễn Văn Tr xác lập quan hệ vợ chồng có tổ chức lễ cưới năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa vào năm 2002. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Tr không chăm lo gia đình và thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập bà. Từ tháng 10/2022, Bà Th không còn chung sống với ông Tr. Nay Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Bà Th với ông Tr có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế Trân, sinh năm 2002 và Nguyễn Minh Phụng, sinh năm 2003; đều trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th xác định không có nợ chung với ông Tr.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr có bản tự khai ghi ý kiến không đồng ý ly hôn với Bà Th.

Về con chung: Ông Tr thừa nhận có 02 con chung với Bà Th tên Nguyễn Thị Quế Trân, sinh năm 2002 và Nguyễn Minh Phụng, sinh năm 2003; đều trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Tr xác định không có nợ chung với Bà Th.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn Bà Nguyễn Thanh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr; bị đơn ông Tr vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thanh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp ly hôn", nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về quan hệ hôn nhân; không yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông Tr không đồng ý ly hôn; không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và sự thừa nhận của đương sự thì bà Th và ông Tr xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa vào ngày 27/11/2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th với ông Tr là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân; ông Tr có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà Th cương quyết không đồng ý. Điều

này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Th với ông Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Th đối với ông Tr.

[6] Về con chung: Theo các Giấy khai sinh và sự thừa nhận của đương sự thì bà Th với ông Tr có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế T, sinh năm 2002 và Nguyễn Minh P, sinh năm 2003; đều trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ nuôi con chung và cấp dưỡng sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nợ chung với nhau nên không đề cập.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào Điều 53, 56 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà Nguyễn Thanh Th đối với ông Nguyễn Văn Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thanh Th và ông Nguyễn Văn Tr có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế T, sinh năm 2002 và Nguyễn Minh P, sinh năm 2003; đều trưởng thành.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nợ chung.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh Th phải chịu 300.000 đồng; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo Biên lai số 0000169 ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường sang thi hành án phí.

- Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- UBND xã TT, thị xã Kiến Tường;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương